



Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024



Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thông tin về Tập đoàn

Quyết định Thành lập số 974/QĐ-TTg

ngày 25 tháng 6 năm 2010

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0100100008

ngày 29 tháng 1 năm 2015

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được sửa đổi nhiều lần và lần gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100008 ngày 6 tháng 10 năm 2021. Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Tiến Trường
Ông Trần Quang Nghị
Ông Cao Hữu Hiếu
Ông Đặng Vũ Hùng
Ông Vũ Hồng Tuấn
Ông Nguyễn Xuân Đông

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Cơ quan Tổng Giám đốc

Ông Cao Hữu Hiếu
Ông Nguyễn Song Hải
Ông Lê Trung Hải
Ông Phạm Văn Tân
Ông Lê Mạc Thuấn
Ông Nguyễn Đức Trị
Ông Phạm Xuân Trình

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Giám đốc điều hành

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Thu Hằng
Bà Đoàn Thị Thu Hương
Bà Đặng Thị Hồng Lê
Bà Nguyễn Thanh Lê
Bà Đào Thị Minh Hòa

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên
Thành viên (từ ngày 13/5/2024)
Thành viên (đến ngày 13/5/2024)

Trụ sở đăng ký

25 Phố Bà Triệu, Phường Hàng Bài
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

100
C
RÁCH
I
MTL

Tập đoàn Dệt May Việt Nam **Báo cáo của Cơ quan Tổng Giám đốc**

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Cơ quan Tổng Giám đốc:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 58 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Cơ quan Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn Dệt May Việt Nam sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Cơ quan Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Cơ quan Tổng Giám đốc



Cao Hữu Hiếu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2024



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 8 năm 2024, được trình bày từ trang 5 đến trang 58.

Trách nhiệm của Cơ quan Tổng Giám đốc

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Cơ quan Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 24-02-00280-24-1



Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0306-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2024

Trương Tuyết Mai

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2594-2024-007-1

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		2.428.235.537.780	2.269.780.989.761
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	85.049.432.811	97.426.193.157
Tiền	111		85.049.432.811	83.426.193.157
Các khoản tương đương tiền	112		-	14.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.293.900.000.000	1.117.900.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(a)	1.293.900.000.000	1.117.900.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		642.938.242.074	778.631.675.896
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10(a)	304.332.868.687	365.740.904.829
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	11	42.849.957.188	30.393.025.882
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	12(a)	102.356.542.131	119.637.964.603
Phải thu ngắn hạn khác	136	13(a)	193.398.874.068	262.859.780.582
Hàng tồn kho	140	14	388.892.587.147	259.051.367.225
Hàng tồn kho	141		397.271.854.333	285.795.004.290
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(8.379.267.186)	(26.743.637.065)
Tài sản ngắn hạn khác	150		17.455.275.748	16.771.753.483
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.405.758.909	3.481.285.051
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		11.590.994.608	10.980.839.283
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	20(a)	2.458.522.231	2.309.629.149

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 01a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		5.674.545.630.131	5.749.096.845.268
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.853.896.298.619	1.791.695.774.317
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	10(b)	61.843.907.911	61.843.907.911
Phải thu về cho vay dài hạn	215	12(b)	1.399.482.031.445	1.338.857.792.967
Phải thu dài hạn khác	216	13(b)	392.570.359.263	390.994.073.439
Tài sản cố định	220		705.329.278.571	755.751.424.697
Tài sản cố định hữu hình	221	15	650.061.106.052	699.603.530.456
<i>Nguyên giá</i>	222		1.650.302.203.007	1.659.862.020.373
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.000.241.096.955)	(960.258.489.917)
Tài sản cố định vô hình	227	16	55.268.172.519	56.147.894.241
<i>Nguyên giá</i>	228		81.905.473.511	81.905.473.511
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(26.637.300.992)	(25.757.579.270)
Tài sản dở dang dài hạn	240		296.516.609.638	274.187.600.718
Xây dựng cơ bản dở dang	242	17	296.516.609.638	274.187.600.718
Đầu tư tài chính dài hạn	250	9(b)	2.780.009.655.090	2.889.510.606.306
Đầu tư vào công ty con	251		2.191.080.629.010	2.191.080.629.010
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		1.038.269.855.779	1.038.269.855.779
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		39.789.498.900	39.789.498.900
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(519.130.328.599)	(379.629.377.383)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		30.000.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		38.793.788.213	37.951.439.230
Chi phí trả trước dài hạn	261	18	38.793.788.213	37.951.439.230
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		8.102.781.167.911	8.018.877.835.029

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		2.472.579.494.286	2.230.098.283.649
Nợ ngắn hạn	310		890.579.829.738	689.327.792.367
Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	188.629.268.980	142.529.528.219
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.288.566.056	1.605.645.255
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20(b)	396.957.956	10.833.347.921
Phải trả người lao động	314		14.652.622.364	11.980.245.252
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21(a)	3.186.857.235	6.361.467.810
Phải trả ngắn hạn khác	319	22	167.550.927.116	26.002.155.584
Vay ngắn hạn	320	23(a)	464.488.227.521	455.704.440.681
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	24	46.386.402.510	34.310.961.645
Nợ dài hạn	330		1.581.999.664.548	1.540.770.491.282
Chi phí phải trả dài hạn	333	21(b)	9.296.985.600	9.761.834.880
Phải trả dài hạn khác	337		1.397.210.130	1.486.850.151
Vay dài hạn	338	23(b)	1.571.305.468.818	1.529.521.806.251
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		5.630.201.673.625	5.788.779.551.380
Vốn chủ sở hữu	410	25	5.610.576.413.140	5.768.606.661.478
Vốn cổ phần	411	26	5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		30.361.932.352	30.361.932.352
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		37.121.635.693	195.151.884.031
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		25.751.884.031	69.601.007.596
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		11.369.751.662	125.550.876.435
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	28	543.092.845.095	543.092.845.095
Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		19.625.260.485	20.172.889.902
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	29	19.625.260.485	20.172.889.902
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		8.102.781.167.911	8.018.877.835.029

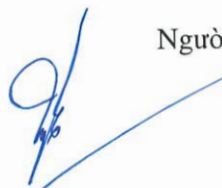
Ngày 29 tháng 8 năm 2024

Người lập:



Nguyễn Thị Nga
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Ngọc Cách
Kế toán trưởng



Cao Hữu Hiếu
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

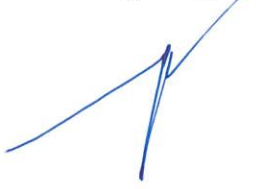
Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mẫu B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	31	668.558.956.375	600.117.017.969
Giá vốn hàng bán	11	32	632.568.138.882	608.382.625.906
Lợi nhuận/(lỗ) gộp (20 = 01 - 11)	20		35.990.817.493	(8.265.607.937)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	33	264.424.716.433	207.576.625.675
Chi phí tài chính	22	34	218.685.778.093	136.413.191.472
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		60.876.842.573	59.951.625.528
Chi phí bán hàng	25	35	18.546.241.725	20.892.235.267
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	36	51.745.705.133	31.822.034.657
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		11.437.808.975	10.183.556.342
Thu nhập khác	31		3.058.962	16.201.570.077
Chi phí khác	32		71.116.275	4.467.354.213
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(68.057.313)	11.734.215.864
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		11.369.751.662	21.917.772.206
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	38	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		11.369.751.662	21.917.772.206

Ngày 29 tháng 8 năm 2024


Người lập:


 Nguyễn Thị Nga
 Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:


 Nguyễn Ngọc Cách
 Kế toán trưởng




 Cao Hữu Hiếu
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		11.369.751.662	21.917.772.206
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		50.708.219.101	53.032.576.353
Các khoản dự phòng	03		121.136.581.337	55.223.290.912
Lỗi/(lãi) chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		15.702.575.897	(731.468.630)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(259.412.295.611)	(213.709.362.299)
Chi phí lãi vay	06		60.876.842.573	59.951.625.528
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		381.674.959	(24.315.565.930)
Biến động các khoản phải thu	09		26.392.991.157	80.610.932.514
Biến động hàng tồn kho	10		(111.476.850.043)	(25.693.883.896)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		22.652.332.330	(67.858.545.072)
Biến động chi phí trả trước	12		(1.276.971.485)	19.110.204
			(63.326.823.082)	(37.237.952.180)
Tiền lãi vay đã trả	14		(63.728.327.537)	(58.739.709.588)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(456.000.000)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(7.324.559.135)	(3.653.210.851)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(134.835.709.754)	(99.630.872.619)

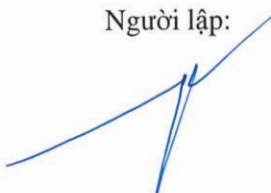
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(21.397.244.785)	(38.074.399.103)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		13.636.363.636	16.181.818.182
Tiền chi cho vay, gửi tiền gửi có kỳ hạn	23		(380.798.057.659)	(623.952.139.216)
Tiền thu hồi cho vay, rút tiền gửi có kỳ hạn	24		187.264.606.306	528.129.547.475
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		-	(48.999.300.000)
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		339.072.536.933	393.553.262.485
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		137.778.204.431	226.838.789.823
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		518.751.408.660	481.547.031.895
Tiền trả nợ gốc vay	34		(535.076.956.452)	(607.891.034.037)
Tiền trả cổ tức	36		(3.705.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(16.329.252.792)	(126.344.002.142)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(13.386.758.115)	863.915.062
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		97.426.193.157	143.092.970.042
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.009.997.769	768.932.483
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	85.049.432.811	144.725.817.587

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

Người lập:


 Nguyễn Thị Nga
 Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:


 Nguyễn Ngọc Cách
 Kế toán trưởng


 Cao Hữu Hiếu
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tập đoàn Dệt May Việt Nam (“Tập đoàn”) được thành lập dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 974/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 25 tháng 6 năm 2010.

Căn cứ vào Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 6 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam, căn cứ vào Công văn số 4085/BTC-TC ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Công Thương về việc bán cổ phần lần đầu, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện việc bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng theo hình thức kết hợp vừa bán bớt một phần vốn Nhà nước, vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 22 tháng 9 năm 2014. Theo đó, vốn điều lệ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam sau cổ phần hóa là 5.000 tỷ VND, trong đó Nhà nước giữ cổ phần chi phối. Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu ngày 29 tháng 1 năm 2015.

(b) Hoạt động chính

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nhiệm vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư vốn và có toàn quyền quản lý vốn đầu tư trong các công ty con của Tập đoàn để đảm bảo duy trì và phát triển nguồn vốn này, cụ thể như sau:

1. Sản xuất và kinh doanh trong các lĩnh vực sau:

- Công nghiệp dệt may: sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm cuối cùng của ngành dệt may; sản xuất kinh doanh hàng dệt may gồm các chủng loại xơ, sợi, vải, hàng may mặc, dệt kim, chỉ khâu, khăn bông len, thảm, đay tơ, tơ tằm, vải tơ tằm, vải kỹ thuật, vải không dệt, vải trang trí nội thất;
- Gia công, sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy hải sản (sơ chế); đóng gói thực phẩm tươi, thực phẩm sơ chế, thực phẩm khô, bánh mứt các loại;
- Sản xuất kinh doanh nguyên liệu bông xơ; nguyên phụ liệu, bao bì cho sản xuất và chế biến bông; dịch vụ kỹ thuật và kinh doanh các loại giống cây trồng, phân bón và vật tư nông nghiệp khác; sản xuất các chế phẩm sinh học phục vụ cho ngành nông lâm nghiệp; chế biến nông sản; kiểm nghiệm giống bông, giống cây trồng, chất lượng bông xơ;
- Xuất nhập khẩu và kinh doanh thương mại: hàng dệt may, thiết bị phụ tùng ngành dệt may; phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm; hàng công nghệ thực phẩm; nông, lâm, hải sản; thủ công mỹ nghệ; ô tô, xe máy; thiết bị âm thanh, ánh sáng; thiết bị tạo mẫu thời trang; phương tiện vận tải; vật liệu điện, điện tử; phần mềm và thiết bị tin học; cao su; nước uống dinh dưỡng và mỹ phẩm các loại; phụ tùng, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp; dụng cụ quang học, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm; phế liệu và thành phẩm sắt, thép và kim loại màu; kinh doanh quần áo và trang thiết bị bảo hộ lao động và các mặt hàng tiêu dùng khác;

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- Kinh doanh bán lẻ các sản phẩm dệt may và các sản phẩm tiêu dùng khác, gồm: đầu tư xây dựng siêu thị; cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại); cho thuê kho, bãi đậu xe, dịch vụ giữ xe; mua bán hàng dệt may, vật tư công nghiệp và các sản phẩm tiêu dùng khác; bia, rượu, thuốc lá các loại; bán hàng lưu động đã đăng ký trong giấy phép đăng ký kinh doanh;
 - Dịch vụ thi công, lắp đặt hệ thống điện dân dụng, điện lạnh, công nghiệp; tư vấn, thiết kế quy trình công nghệ, bố trí máy móc thiết bị cho ngành công nghiệp dân dụng; tư vấn thiết kế lập các dự án đầu tư trong lĩnh vực dệt may, môi trường; tư vấn giám sát, kiểm tra, đánh giá hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kỹ thuật, thương mại và môi trường; thiết kế, chế tạo thiết bị, linh kiện và lắp đặt hệ thống điện công nghiệp, hệ thống cầu, thang nâng hạ, thang máy sản xuất, kinh doanh sửa chữa, lắp đặt các sản phẩm cơ khí và máy móc thiết bị công nghiệp; thực hiện các dịch vụ thương mại và công việc có tính chất công nghiệp; giám định kiểm tra chất lượng nguyên phụ liệu, hoá chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm dệt may; dịch vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyên giao công nghệ, đào tạo nghề dệt may công nghiệp, nghề cơ khí; xuất khẩu lao động Việt Nam; uỷ thác mua bán xăng, dầu; kinh doanh kho vận, kho ngoại quan; thiết kế, thi công xây lắp phục vụ ngành công nghiệp và xây dựng dân dụng; dịch vụ khoa học công nghệ, du lịch, khách sạn, nhà hàng, văn phòng, vận tải, du lịch lữ hành trong nước; tư vấn thiết kế dịch vụ đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng, dịch vụ ăn uống bình dân, dịch vụ vui chơi giải trí, thể dục thể thao; đại lý bán vé máy bay và đại lý bưu chính viễn thông;
 - Kinh doanh tài chính; hoạt động tài chính, chứng khoán, dịch vụ tài chính khác;
 - Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp và đô thị; kinh doanh bất động sản; kinh doanh phát triển nhà, khu công nghiệp, đô thị; cho thuê nhà xưởng, nhà ở, văn phòng; đầu tư kinh doanh bưu chính viễn thông;
 - Tổ chức hội chợ triển lãm, biểu diễn thời trang trong và ngoài nước; xuất bản, in ấn; và
 - Đầu tư ra nước ngoài; làm đại diện cho các công ty nước ngoài tại Việt Nam.
2. Đầu tư, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn tại các công ty con, công ty liên kết và các đơn vị nhận đầu tư khác.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn Dệt May Việt Nam nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc của Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có các đơn vị hạch toán phụ thuộc sau:

Tên	Thông tin chính
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Nhà máy Sản xuất Vải Yarn Dyed	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-049 ngày 4 tháng 11 năm 2015 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Nhà máy Sợi Vinatex Nam Định	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-050 ngày 1 tháng 7 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Nhà máy Sợi Vinatex Phú Cường	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-051 ngày 26 tháng 7 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Trung tâm Thời trang Vinatex	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-052 ngày 11 tháng 4 năm 2018 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Nhà máy May Quế Sơn	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-053 ngày 25 tháng 5 năm 2018 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có 34 công ty con cấp 1, công ty con cấp 2 và công ty con cấp 3 và 31 công ty liên kết. Chi tiết về các công ty con cấp 1 và các công ty liên kết trọng yếu được trình bày tại Thuyết minh 9(b).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có 642 nhân viên (1/1/2024: 638 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Kỳ kế toán sáu tháng từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn Dệt May Việt Nam là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán chủ yếu áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn Dệt May Việt Nam thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Cơ quan Tổng Giám đốc dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn trước cổ phần hóa

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn trước cổ phần hóa được ghi nhận theo giá trị được xác định lại tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần theo quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c, Khoản 1, Điều 33, Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần (“Nghị định 59”) và Khoản 5, Khoản 6, Điều 1, Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59, cụ thể như sau:

- Giá trị các khoản đầu tư tài chính vào công ty cổ phần đã niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu giao dịch trên thị trường chứng khoán tại thời điểm gần nhất với thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần.
- Giá trị các khoản đầu tư tài chính vào (i) cổ phiếu của công ty cổ phần đã niêm yết trên thị trường UPCoM mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước thời điểm định giá; (ii) cổ phiếu của công ty cổ phần chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán và (iii) các doanh nghiệp khác được xác định trên cơ sở:
 - Tỷ lệ vốn đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trên vốn điều lệ, vốn cổ phần hoặc tổng số vốn thực góp tại đơn vị nhận đầu tư.
 - Giá trị vốn chủ sở hữu tại đơn vị nhận đầu tư được xác định theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán. Trường hợp chưa kiểm toán thì căn cứ vào giá trị vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất của đơn vị đó để xác định.
 - Trường hợp giá trị khoản đầu tư tài chính khi xác định lại có giá trị thấp hơn giá trị ghi trên sổ sách kế toán thì được xác định theo giá trị thực tế xác định lại.

Giá trị đánh giá lại như hướng dẫn ở trên được xem là giá gốc ban đầu của các khoản đầu tư khi Tập đoàn Dệt May Việt Nam chuyển thành công ty cổ phần. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Trong trường hợp Tập đoàn Dệt May Việt Nam nhận được cổ tức hoặc lợi nhuận được chia tương ứng với phần tăng thêm do định giá lại khoản đầu tư trong quá trình cổ phần hóa, giá trị khoản đầu tư sẽ được giảm tương ứng với phần cổ tức hoặc lợi nhuận được chia này (Thuyết minh 3(o)(ii)).

(iii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn sau cổ phần hóa

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn sau cổ phần hóa được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iv) Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tập đoàn Dệt may Việt Nam có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia.

Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	4 – 15 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 10 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tập đoàn Dệt May Việt Nam không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của các hợp đồng thuê đất trong vòng từ 10 đến 40 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn Dệt May Việt Nam nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) Chi phí khác

Chi phí trả trước khác bao gồm phí dịch vụ được ghi nhận lần đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn hợp đồng.

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được phản ánh theo giá gốc.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(k) Dự phòng

Trừ những khoản dự phòng được định nghĩa ở các chính sách kế toán khác, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(n) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(o) Doanh thu hoạt động tài chính

(i) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(ii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Khoản cổ tức hoặc lợi nhuận được chia đã sử dụng để định giá lại giá trị khoản đầu tư khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá và tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính mà ghi giảm giá trị khoản đầu tư tài chính (Thuyết minh 3(c)(ii)).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(p) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê không phải thuê tài chính được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán riêng của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn Dệt May Việt Nam nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm các công ty con và công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

(s) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong kỳ trước.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Tập đoàn Dệt May Việt Nam không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng hàng năm và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Cơ quan Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất.

6. Các khoản mục bất thường

Tập đoàn Dệt May Việt Nam không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

7. Các thay đổi trong cơ cấu đơn vị

Tập đoàn Dệt May Việt Nam không có thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Tiền mặt	9.558.094.856	5.565.435.062
Tiền gửi ngân hàng	72.162.418.940	77.755.063.885
Tiền đang chuyển	3.328.919.015	105.694.210
Các khoản tương đương tiền	-	14.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	85.049.432.811	97.426.193.157
	<hr/>	<hr/>

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***9. Các khoản đầu tư tài chính****(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/6/2024		1/1/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	1.293.900.000.000	1.297.528.151.235	1.117.900.000.000	1.130.876.570.138
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	30.000.000.000	(*)	-	-

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng và hưởng lãi suất năm trong khoảng từ 3,2% đến 4,5%/năm (1/1/2024: từ 3,6% đến 8,5%/năm).

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ 12 tháng trở lên và hưởng lãi suất 4,2%/năm (1/1/2024: Không có).

Giá trị hợp lý của khoản tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn bao gồm giá gốc của khoản tiền gửi ban đầu và lãi dự thu đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 và 1 tháng 1 năm 2024 hiện đang ghi nhận là khoản phải thu khác. Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam đánh giá rằng khoản tiền gửi này được gửi ở các ngân hàng có uy tín tại Việt Nam nên không bị suy giảm giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và 1 tháng 1 năm 2024.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 bao gồm 110.000 triệu VND (1/1/2024: 110.000 triệu VND) đã được dùng để thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (Thuyết minh 23(b)).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

			30/6/2024			1/1/2024				
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:										
▪ Công ty con										
• Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	50,10%	50,10%	532.242.925.014	-	(*)	50,10%	50,10%	532.242.925.014	-	(*)
• Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương	100,00%	100,00%	163.627.554.636	(159.264.988.065)	(*)	100,00%	100,00%	163.627.554.636	(138.230.486.777)	(*)
• Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	61,87%	61,87%	189.153.465.950	-	(*)	61,87%	61,87%	189.153.465.950	-	(*)
• Công ty Cổ phần Sản xuất – Xuất nhập khẩu Dệt May	68,34%	68,34%	26.032.500.000	(26.032.500.000)	(*)	68,34%	68,34%	26.032.500.000	(26.032.500.000)	(*)
• Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	53,67%	53,67%	81.555.023.813	(30.414.564.118)	(*)	53,67%	53,67%	81.555.023.813	(14.864.483.416)	(*)
• Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân	100,00%	100,00%	115.191.925.340	(7.440.979.218)	(*)	100,00%	100,00%	115.191.925.340	(8.046.090.430)	(*)
• Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu Dệt May Việt Nam	61,63%	61,63%	24.852.076.451	(23.129.100.681)	(*)	61,63%	61,63%	24.852.076.451	(22.888.261.231)	(*)
• Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối	51,00%	51,00%	38.633.449.251	-	(*)	51,00%	51,00%	38.633.449.251	-	(*)
• Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài	60,73%	60,73%	122.656.621.350	-	(*)	60,73%	60,73%	122.656.621.350	-	(*)
• Công ty Cổ phần Dệt May Huế	60,86%	60,86%	172.033.729.000	-	(*)	60,86%	60,86%	172.033.729.000	-	(*)
• Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex	100,00%	100,00%	500.000.000.000	(237.318.532.427)	(*)	100,00%	100,00%	500.000.000.000	(150.516.974.066)	(*)
• Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex	100,00%	100,00%	191.301.358.205	(13.527.804.968)	(*)	100,00%	100,00%	191.301.358.205	(8.896.017.608)	(*)
• Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng	52,00%	52,00%	33.800.000.000	-	(*)	52,00%	52,00%	33.800.000.000	(7.368.064.412)	(*)
			2.191.080.629.010	(497.128.469.477)				2.191.080.629.010	(376.842.877.940)	
▪ Công ty liên kết										
• Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP	25,20%	25,20%	64.157.524.344	-	(*)	26,37%	26,37%	64.157.524.344	-	(*)
• Tổng Công ty Đức Giang – CTCP	35,21%	35,21%	48.705.037.797	-	(*)	35,21%	35,21%	48.705.037.797	-	(*)
• Tổng Công ty May Hưng Yên – CTCP	35,01%	35,01%	47.350.233.012	-	(*)	35,01%	35,01%	47.350.233.012	-	(*)
• Tổng Công ty May 10 – CTCP	32,21%	32,21%	97.190.682.268	-	(*)	33,82%	33,82%	97.190.682.268	-	(*)
• Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	30,40%	30,40%	288.033.867.683	-	(*)	30,40%	30,40%	288.033.867.683	-	(*)
• Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP	46,93%	46,93%	196.304.445.135	-	(*)	46,93%	46,93%	196.304.445.135	-	(*)
• Các khoản đầu tư tại các công ty liên kết khác			296.528.065.540	(22.001.859.122)	(*)			296.528.065.540	(2.786.499.443)	(*)
			1.038.269.855.779	(22.001.859.122)				1.038.269.855.779	(2.786.499.443)	
▪ Đơn vị khác										
• Công ty Cổ phần TCE VINA DENIM	1,83%	1,83%	19.450.204.510	-	(*)	1,83%	1,83%	19.450.204.510	-	(*)
• Các khoản đầu tư khác			20.339.294.390	-	(*)			20.339.294.390	-	(*)
			39.789.498.900	-				39.789.498.900	-	
			3.269.139.983.689	(519.130.328.599)				3.269.139.983.689	(379.629.377.383)	

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có 13 công ty con cấp 1 và 17 công ty liên kết cấp 1. Các công ty con và công ty liên kết đều được thành lập tại Việt Nam.

- (*) Tập đoàn Dệt May Việt Nam chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

10. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Phải thu của khách hàng là các công ty con		
▪ Công ty TNHH MTV Dệt 8/3	108.135.068.880	123.195.405.597
▪ Tổng Công ty CP Dệt May Hà nội	73.111.087.346	27.000.000
▪ Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương	11.752.016.655	9.174.142.931
▪ Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân	10.416.856.402	8.537.782.446
▪ Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng	6.926.225.066	7.172.891.034
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	3.867.353.344	4.175.280.264
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối	2.103.142.800	3.355.724.240
▪ Các công ty con khác	169.290.000	27.000.000
Phải thu của khách hàng là các công ty liên kết		
▪ Các công ty liên kết	167.392.176	400.216.163
Phải thu các khách hàng khác		
▪ Công ty Cổ phần Sợi Phú Hoàng	24.495.813.963	71.663.650.506
▪ Xiamen Haixia Investment Co., Ltd	14.993.718.255	14.452.882.611
▪ Shaoxing Dafa Cloth Trade Co., Ltd	11.201.591.913	-
▪ Xiamen Itg Textile Material Co., Ltd	8.627.391.385	-
▪ Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	6.334.468.013	-
▪ Hengfeng (Hongkong) Co., Ltd	3.705.260.626	-
▪ Xiamen Port Commerce Information Co., Ltd.	2.547.023.331	-
▪ Shandong Binzhou Printing and Dyeing Group Imp. and Exp. Co., Ltd	2.347.037.223	-
▪ Công ty TNHH Textiles In Saigon	2.124.587.336	-
▪ Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất sân bay Việt Nam	1.983.361.334	11.998.898.862
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hưng Tiến Phát	-	90.018.736.000
▪ Công ty TNHH Công nghệ cao Rui Peng Fei Việt Nam	-	15.000.000.000
▪ Các khách hàng khác	9.324.182.639	6.541.294.175
	304.332.868.687	365.740.904.829

Khoản phải thu từ các công ty con và công ty liên kết không có đảm bảo, không chịu lãi và có điều khoản thanh toán từ 30 đến 180 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu dài hạn của khách hàng

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Phải thu của khách hàng là công ty con		
▪ Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương	61.843.907.911	61.843.907.911
	61.843.907.911	61.843.907.911

Khoản phải thu khách hàng từ công ty con không có đảm bảo, không chịu lãi và được hoàn trả theo kế hoạch trả nợ đã được thống nhất giữa hai bên.

11. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Trả trước cho người bán là các công ty con		
▪ Các công ty con	9.084.570	-
Trả trước cho người bán là các công ty liên kết		
▪ Các công ty liên kết	2.868.673.268	2.893.460.151
Trả trước cho người bán là bên khác		
▪ Công ty Cổ phần Xây dựng Phước Thành	8.231.844.217	15.563.007.609
▪ Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp	6.444.160.938	6.444.160.938
▪ ADM International Sarl	7.420.202.318	-
▪ CAM Négoce, Division Coton	5.223.445.084	-
▪ Công ty Cổ phần Luxxy Việt Nam	5.217.703.079	-
▪ Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Nguyễn Gia Việt Nam	2.243.039.315	-
▪ Các nhà cung cấp khác	5.191.804.399	5.492.397.184
	42.849.957.188	30.393.025.882

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Phải thu về cho vay

(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Phải thu về cho vay từ các công ty con		
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Huế (i)	23.200.000.000	23.200.000.000
▪ Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú (ii)	15.608.241.959	14.250.503.698
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội (ii)	9.339.282.147	5.822.075.008
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (ii)	6.278.745.775	5.732.566.673
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định – Khoản 1 (ii)	3.949.438.359	3.605.882.597
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Huế (ii)	2.385.637.643	2.178.114.550
▪ Công ty TNHH MTV Dệt 8/3 (ii)	2.230.268.391	2.036.260.723
▪ Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Xuân – Khoản 1 (ii)	1.766.870.198	1.613.172.746
▪ Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Xuân – Khoản 2 (iii)	11.400.000.000	11.400.000.000
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định – Khoản 2 (iv)	-	43.399.388.608
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Phương – Khoản 1 (v)	6.400.000.000	6.400.000.000
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Phương – Khoản 2 (vi)	19.798.057.659	-
	102.356.542.131	119.637.964.603

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu về cho vay dài hạn

	Năm đáo hạn	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Phải thu về cho vay từ các công ty con			
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Huế (i)	2025	11.600.000.000	23.200.000.000
▪ Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú (ii)	2035	523.148.753.848	509.186.881.533
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội (ii)	2035	213.733.592.301	208.029.438.124
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (ii)	2035	210.447.657.324	204.831.198.831
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định – Khoản 1 (ii)	2035	132.375.177.893	128.842.329.277
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Huế (ii)	2035	79.960.535.644	77.826.536.826
▪ Công ty TNHH MTV Dệt 8-3 (ii)	2035	74.752.949.389	72.757.931.393
▪ Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Xuân – Khoản 1 (ii)	2035	59.221.017.150	57.640.517.695
▪ Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Xuân – Khoản 2 (iii)	2027	29.242.959.288	34.942.959.288
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định – Khoản 2 (iv)	2025	64.999.388.608	21.600.000.000
		1.399.482.031.445	1.338.857.792.967

Điều khoản và điều kiện của các khoản phải thu về cho vay hiện còn số dư như sau:

- (i) Khoản phải thu về cho vay này không có tài sản đảm bảo và hưởng lãi suất 8,0%/năm áp dụng cho kỳ 6 tháng đầu tiên từ ngày giải ngân đến hết ngày 21 tháng 6 năm 2023. Sau thời điểm này, khoản cho vay này hưởng lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam áp dụng cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam, được điều chỉnh 6 tháng một lần.
- (ii) Đây là các khoản Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho các công ty con vay lại từ nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á (Thuyết minh 23(b)(i)). Các khoản cho vay này được tính lãi theo lãi suất mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải trả cho Ngân hàng Phát triển Châu Á và phí phải trả Bộ Tài chính cộng thêm 0,5% phí quản lý của Tập đoàn.
- (iii) Khoản phải thu về cho vay này không có tài sản đảm bảo và không hưởng lãi trong năm 2022, từ năm 2023 lãi suất của khoản phải thu về cho vay này được tính theo lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 13 tháng loại trả lãi cuối kỳ của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam công bố áp dụng đối với các tổ chức, được điều chỉnh 6 tháng một lần.
- (iv) Khoản phải thu về cho vay này không có tài sản đảm bảo và hưởng lãi suất 7,0%/năm.
- (v) Khoản phải thu về cho vay này không có tài sản đảm bảo và hưởng lãi suất theo lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 13 tháng loại trả lãi cuối kỳ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam công bố áp dụng đối với các tổ chức, được điều chỉnh 6 tháng một lần.
- (vi) Khoản phải thu về cho vay không có tài sản đảm bảo và hưởng lãi suất 4,7%/năm theo lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng loại trả lãi cuối kỳ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam công bố áp dụng đối với các tổ chức, được điều chỉnh 6 tháng một lần.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Cổ tức phải thu	106.825.187.916	183.077.154.359
Các khoản trả hộ Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex (i)	20.727.226.913	30.215.687.677
Tiền lãi cho vay	27.388.623.451	23.066.079.425
Lãi tiền gửi	5.245.751.233	12.976.570.138
Lãi và phí quản lý khoản vay ADB	15.991.715.973	7.620.107.643
Tạm ứng cho công nhân viên	6.410.901.504	2.886.377.785
Phải thu từ điều chuyển tài sản cho Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương	7.501.375.304	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	3.308.091.774	3.017.803.555
	<hr/>	<hr/>
	193.398.874.068	262.859.780.582

- (i) Khoản phải thu này bao gồm gốc vay và lãi vay ngân hàng mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thanh toán hộ cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex liên quan đến các hợp đồng vay dài hạn để xây dựng Nhà máy Bạc Liêu, Nhà máy Kiên Giang và Nhà máy Cần Thơ.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các khoản phải thu ngắn hạn khác từ các công ty liên quan như sau:

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Công ty con		
▪ Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	25.513.363.915	40.490.372.894
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Huế	13.198.021.768	37.161.368.704
▪ Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex	20.727.226.662	30.215.687.677
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối	4.080.000.000	6.120.000.000
▪ Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân	5.421.285.162	3.990.213.670
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội	25.142.257.714	17.191.877.370
▪ Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương	19.732.605.045	11.691.080.861
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	23.508.407.512	56.925.142.030
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	7.595.037.482	5.536.428.883
▪ Các công ty con khác	4.305.647.457	3.382.123.750
Công ty liên kết		
▪ Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP	10.080.000.000	-
▪ Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP	9.855.000.000	-
▪ Tổng Công ty Đức Giang – CTCP	4.753.833.000	-
▪ Tổng Công ty May Hưng Yên – CTCP	3.661.124.000	10.245.843.000
▪ Tổng Công ty May 10 – CTCP	-	10.227.398.000
▪ Công ty Cổ phần May Hữu Nghị	-	6.953.392.000
▪ Các công ty liên kết khác	2.720.890.327	3.727.500.000
	180.294.700.044	243.858.428.839

Khoản phải thu ngắn hạn khác từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có điều khoản thanh toán theo yêu cầu.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu dài hạn khác

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Phải thu dài hạn khác từ công ty con		
Phải thu từ Công ty TNHH MTV Dệt 8-3 (i)	170.496.650.079	170.496.650.079
Phải thu dài hạn Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội (ii)	136.932.000.000	136.932.000.000
Tài sản bàn giao cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex (iii)	22.979.228.585	22.427.936.180
Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex (Thuyết minh 13(a))	22.066.631.513	21.041.638.094
Phải thu từ Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân do điều chuyển tài sản	16.246.475.085	16.246.475.085
Phải thu tiền thuê nhà xưởng từ Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương	13.510.094.763	13.510.094.763
Phải thu dài hạn khác		
Đặt cọc bảo đảm thực hiện dự án đầu tư Dự án Nhà máy Liên hợp Sợi-Dệt-Nhuộm-May Quảng Nam (iv)	5.715.000.000	5.715.000.000
Đặt cọc tiền thuê văn phòng	4.620.992.879	4.620.992.879
Khác	3.286.359	3.286.359
	392.570.359.263	390.994.073.439

- (i) Phản ánh khoản tiền chuyển mục đích sử dụng đất được Bộ Tài chính giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong năm 2015 cho mục đích thực hiện các dự án đầu tư tại Công ty TNHH MTV Dệt 8-3. Khoản này sẽ được ghi tăng vốn đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam vào Công ty TNHH MTV Dệt 8-3 khi các thủ tục thực hiện tăng vốn được hoàn thành. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các thủ tục tăng vốn vẫn chưa được hoàn thành.
- (ii) Khoản phải thu này liên quan đến khoản tiền chuyển mục đích sử dụng đất được Bộ Tài Chính giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong năm 2015 cho mục đích thực hiện các dự án đầu tư tại Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội. Khoản này sẽ được ghi tăng vốn đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam vào Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội khi các thủ tục thực hiện tăng vốn được hoàn thành. Tại ngày phát hành báo cáo riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024, các thủ tục tăng vốn vẫn chưa được hoàn thành.
- (iii) Phản ánh giá trị ghi sổ của các tài sản thuộc Dự án Nhà máy May Tuyên Quang mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã bàn giao cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex trong năm 2017. Tập đoàn Dệt May Việt Nam cũng ghi nhận các khoản vay dài hạn có liên quan đến việc hình thành các tài sản cố định này (Thuyết minh 23(b)). Các khoản phải thu và nợ phải trả này sẽ được xử lý khi Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoàn thành xong các thủ tục bàn giao các khoản nợ phải trả còn lại có liên quan đến việc hình thành các tài sản cố định này cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex. Tại ngày của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các thủ tục này vẫn đang được thực hiện.
- (iv) Phản ánh khoản tiền Tập đoàn Dệt May Việt Nam ký quỹ tại tài khoản của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam nhằm mục đích bảo đảm thực hiện Dự án Nhà máy Liên hợp Sợi-Dệt-Nhuộm-May Quảng Nam.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Hàng tồn kho

	30/6/2024		1/1/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	262.037.308.976	(421.677.571)	120.943.246.829	-
Nguyên vật liệu	49.664.327.637	(1.320.944.497)	31.080.531.286	(1.002.452.675)
Công cụ và dụng cụ	4.598.860.443	-	6.441.728.578	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8.978.280.004	(150.555.948)	12.718.366.516	(139.166.980)
Thành phẩm	55.164.430.085	(5.301.490.252)	95.490.180.628	(25.113.324.386)
Hàng hóa	16.828.647.188	(1.184.598.918)	19.120.950.453	(488.693.024)
	<u>397.271.854.333</u>	<u>(8.379.267.186)</u>	<u>285.795.004.290</u>	<u>(26.743.637.065)</u>

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 có 19.031 triệu VND hàng mua đang đi đường, 35.231 triệu VND nguyên vật liệu, 5.129 triệu VND bán thành phẩm, 32.449 triệu VND thành phẩm và 14.762 triệu VND hàng hóa (1/1/2024: 1.215 triệu VND nguyên vật liệu, 10.600 triệu VND bán thành phẩm, 83.653 triệu VND thành phẩm và 535 triệu VND hàng hóa) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	486.313.965.494	1.082.805.268.308	38.911.428.602	51.831.357.969	1.659.862.020.373
Tăng trong kỳ	-	400.482.440	6.106.672.727	-	6.507.155.167
Tài sản nhận điều chuyển từ công ty con	-	3.134.324.684	1.090.378.546	-	4.224.703.230
Tài sản điều chuyển cho công ty con	(1.284.323.899)	(15.250.732.486)	(3.696.024.923)	-	(20.231.081.308)
Phân loại lại	(423.238.200)	2.521.714.829	-	(2.098.476.629)	-
Thanh lý	-	(60.594.455)	-	-	(60.594.455)
Số dư cuối kỳ	484.606.403.395	1.073.550.463.320	42.412.454.952	49.732.881.340	1.650.302.203.007
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	263.758.412.598	627.401.955.574	28.314.434.274	40.783.687.471	960.258.489.917
Khấu hao trong kỳ	9.050.369.971	37.074.850.430	1.653.548.472	2.087.209.279	49.865.978.152
Tài sản nhận điều chuyển từ công ty con	-	1.571.351.599	1.090.378.546	-	2.661.730.145
Tài sản điều chuyển cho công ty con	(729.925.021)	(8.662.046.210)	(3.092.535.573)	-	(12.484.506.804)
Phân loại lại	(423.238.200)	423.238.200	-	-	-
Thanh lý	-	(60.594.455)	-	-	(60.594.455)
Số dư cuối kỳ	271.655.619.348	657.748.755.138	27.965.825.719	42.870.896.750	1.000.241.096.955
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	222.555.552.896	455.403.312.734	10.596.994.328	11.047.670.498	699.603.530.456
Số dư cuối kỳ	212.950.784.047	415.801.708.182	14.446.629.233	6.861.984.590	650.061.106.052

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 có các tài sản cố nguyên giá 148.227 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2024: 123.834 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 61.963 triệu VND (1/1/2024: 71.007 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (Thuyết minh 23(b)).

16. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	78.833.849.210	3.071.624.301	81.905.473.511
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	23.115.016.936	2.642.562.334	25.757.579.270
Khấu hao trong kỳ	819.365.388	60.356.334	879.721.722
Số dư cuối kỳ	23.934.382.324	2.702.918.668	26.637.300.992
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	55.718.832.274	429.061.967	56.147.894.241
Số dư cuối kỳ	54.899.466.886	368.705.633	55.268.172.519

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 có các tài sản cố nguyên giá 2.228 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2024: 2.086 triệu VND).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Số dư đầu kỳ	274.187.600.718	199.656.844.545
Tăng trong kỳ	22.329.008.920	44.986.302.355
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(507.019.670)
Số dư cuối kỳ	296.516.609.638	244.136.127.230

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Dự án Cao ốc Văn phòng – Căn hộ Vinatex Building	252.386.490.543	231.363.017.151
Nhà máy Sợi Nam Định	18.973.452.363	18.973.452.363
Kho nguyên liệu và thành phẩm Nhà máy Sợi Phú Cường	12.387.453.797	12.387.453.797
Nhà máy Liên hợp Sợi-Dệt-Nhuộm-May Quảng Nam	5.813.893.461	5.516.620.734
Các công trình khác	6.955.319.474	5.947.056.673
Số dư cuối kỳ	296.516.609.638	274.187.600.718

18. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	33.991.943.293	4.400.766.570	(441.270.633)	37.951.439.230
Tăng trong kỳ	-	2.335.539.581	1.166.687.414	3.502.226.995
Phân bổ trong kỳ	(510.148.644)	(1.871.648.882)	(278.080.486)	(2.659.878.012)
Phân loại lại	-	(887.126.819)	887.126.819	-
Số dư cuối kỳ	33.481.794.649	3.977.530.450	1.334.463.114	38.793.788.213

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Phải trả người bán ngắn hạn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Phải trả người bán là các công ty con		
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	89.417.224	143.590.666
▪ Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân	43.963.360	132.139.504
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Nam Định	18.777.000	-
▪ Công ty Cổ phần Thời trang Hanosimex	167.226.000	176.768.460
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Huế	-	62.714.960
Phải trả người bán là các công ty liên kết		
▪ Tổng Công ty Đức Giang – CTCP	4.652.579.517	16.951.111.930
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Liên Phương	2.546.075.599	-
▪ Tổng Công ty May 10 – CTCP	1.787.404.569	9.567.462.483
▪ Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP	210.558.550	409.845.146
▪ Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	213.613.334	504.882.351
▪ Công ty Cổ phần May Nam Định	44.313.920	280.658.275
▪ Công ty Cổ phần Dệt Gia dụng Phong Phú	20.161.051	15.062.035
▪ Công ty Cổ phần May Việt Thắng	-	44.139.025
Phải trả người bán khác		
▪ ADM International Sarl	53.738.823.294	-
▪ Cargill Cotton	19.582.296.152	-
▪ Olam Internatinal Limited	15.746.598.304	-
▪ Timbro Swiss Ltd.,	13.528.064.930	16.020.912.917
▪ Ecom Agroindustrial Corp. Ltd,	12.440.946.461	19.238.037.172
▪ Viterra B.V	11.808.309.477	-
▪ Louis Dreyfus Company Suisse SA	10.634.568.658	63.299.082
▪ Hongkong Natural Resources Trading Co., Ltd.	9.374.818.510	8.183.955.430
▪ Công ty TNHH Xây dựng Sản xuất và Thương mại Tài Nguyên	7.510.982.998	7.510.982.998
▪ Công ty Cổ phần May Tiền Tiến	5.097.201.710	11.049.690.435
▪ Otto Stadlander Gmbh	16.340.930	23.859.644.761
▪ CDI Cotton Distributorn Inc	31.417.634	11.326.553.509
▪ Các nhà cung cấp khác	19.324.809.798	16.988.077.080
	188.629.268.980	142.529.528.219

Khoản phải trả các công ty con và các công ty liên kết không được đảm bảo, không chịu lãi và có điều khoản thanh toán trong vòng 30 đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

20. Thuế và các khoản khác phải thu và phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	1/1/2024 VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số phát sinh/ đã bù trừ trong kỳ VND	30/6/2024 VND
Thuế				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	204.960.646	456.000.000	-	660.960.646
<i>Văn phòng</i>	<i>204.960.646</i>	<i>456.000.000</i>	-	<i>660.960.646</i>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	455.926.368	-	455.926.368
<i>Văn phòng</i>	-	<i>455.926.368</i>	-	<i>455.926.368</i>
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	266.172.052	-	266.172.052
<i>Nhà máy Sợi Phú Cường</i>	-	<i>266.172.052</i>	-	<i>266.172.052</i>
Thuế nhập khẩu	-	52.190.598	-	52.190.598
<i>Nhà máy Sợi Phú Cường</i>	-	<i>52.190.598</i>	-	<i>52.190.598</i>
Thuế thu nhập cá nhân	-	27.166.967	-	27.166.967
<i>Trung tâm Thời trang Vinatex</i>	-	<i>27.166.967</i>	-	<i>27.166.967</i>
Tiền thuê đất, thuế đất	2.104.668.503	739.041.935	(1.847.604.838)	996.105.600
<i>Văn phòng Hà Nội</i>	<i>2.104.668.503</i>	<i>739.041.935</i>	<i>(1.847.604.838)</i>	<i>996.105.600</i>
	2.309.629.149	1.996.497.920	(1.847.604.838)	2.458.522.231

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước

	1/1/2024 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp/được hoàn trong kỳ VND	Bù trừ với thuế GTGT đầu vào VND	30/6/2024 VND
Thuế					
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.799.741.241	19.278.200.644	(4.996.668.813)	(16.903.240.480)	178.032.592
Văn phòng Hà Nội	1.077.079.884	6.788.340.689	(1.077.153.516)	(6.788.267.057)	-
Nhà máy Sợi Phú Cường	1.482.810.889	5.859.274.487	(2.950.164.633)	(4.348.443.851)	43.476.892
Nhà máy Sợi Nam Định	-	2.421.157.380	-	(2.421.157.380)	-
Trung tâm Thời trang Vinatex	239.850.468	4.209.428.088	(969.350.664)	(3.345.372.192)	134.555.700
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	2.902.123.987	(2.902.123.987)	-	-
Văn phòng Hà Nội	-	1.173.297.937	(1.173.297.937)	-	-
Nhà máy Sợi Phú Cường	-	1.211.341.277	(1.211.341.277)	-	-
Nhà máy Sợi Nam Định	-	517.484.773	(517.484.773)	-	-
Thuế nhập khẩu	-	134.246.898	(134.246.898)	-	-
Văn phòng Hà Nội	-	2.781.540	(2.781.540)	-	-
Nhà máy Sợi Phú Cường	-	131.465.358	(131.465.358)	-	-
Các loại thuế khác	471.515.668	1.714.440.337	(1.967.030.641)	-	218.925.364
+ Thuế môn bài	-	9.000.000	(9.000.000)	-	-
Văn phòng Hà Nội	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
Nhà máy Sợi Nam Định	-	1.000.000	(1.000.000)	-	-
Nhà máy Sợi Phú Cường	-	1.000.000	(1.000.000)	-	-
Nhà máy May Quế Sơn	-	1.000.000	(1.000.000)	-	-
Trung tâm Thời trang Vinatex	-	2.000.000	(2.000.000)	-	-
Nhà máy Yarnedy	-	1.000.000	(1.000.000)	-	-

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	1/1/2024 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp/được hoàn trong kỳ VND	Bù trừ với thuế GTGT đầu vào VND	30/6/2024 VND
+ Thuế thu nhập cá nhân	471.515.668	1.705.440.337	(1.958.030.641)	-	218.925.364
<i>Văn phòng</i>	449.218.451	1.628.709.359	(1.876.427.763)	-	201.500.047
<i>Nhà máy Sợi Nam Định</i>	13.547.493	26.861.126	(26.743.606)	-	13.665.013
<i>Nhà máy Sợi Phú Cường</i>	6.141.000	31.217.989	(33.598.685)	-	3.760.304
<i>Trung tâm Thời trang Vimatex</i>	2.608.724	18.651.863	(21.260.587)	-	-
Các khoản phải nộp khác	7.562.091.012	2.050.894.767	(9.612.985.779)	-	-
+ Tiền thuế đất, thuế đất	-	1.979.823.542	(1.979.823.542)	-	-
<i>Văn phòng Hà Nội</i>	-	1.979.823.542	(1.979.823.542)	-	-
+ Các khoản khác	7.562.091.012	71.071.225	(7.633.162.237)	-	-
<i>Văn phòng Hà Nội</i>	7.562.091.012	71.071.225	(7.633.162.237)	-	-
	10.833.347.921	26.079.906.633	(19.613.056.118)	(16.903.240.480)	396.957.956



Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Chi phí phải trả

(a) Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Chi phí lãi vay	158.716.985	2.972.809.633
Chi phí phải trả khác	2.563.290.970	2.923.808.897
	2.722.007.955	5.896.618.530
Phần chi phí phải trả dài hạn đến hạn trả trong 12 tháng	464.849.280	464.849.280
	3.186.857.235	6.361.467.810

(b) Chi phí phải trả dài hạn

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Tiền thuê đất phải trả (*)	9.761.834.880	10.226.684.160
Khoản đến hạn trả trong 12 tháng	(464.849.280)	(464.849.280)
	9.296.985.600	9.761.834.880

(*) Phản ánh số tiền thuê đất tại Số 10 Nguyễn Huệ, Thành phố Hồ Chí Minh tương ứng với phần diện tích được sử dụng bởi Công ty TNHH Xây dựng và Sản xuất Tài Nguyên trong thời hạn của hợp đồng cho thuê đến năm 2046.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Cổ tức phải trả	150.467.337.725	471.042.725
Lãi vay phải trả	8.429.089.571	8.466.481.887
Quỹ từ thiện	3.145.248.287	3.145.248.287
Các khoản phải trả khác	5.509.251.533	13.919.382.685
	167.550.927.116	26.002.155.584
	167.550.927.116	26.002.155.584

Các khoản phải trả ngắn hạn khác từ các công ty liên quan như sau:

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Phải trả khác cho các công ty con		
▪ Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Dệt May	-	8.000.000.000
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Huế	-	18.000.000
Phải trả khác cho công ty liên kết		
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định	300.000.000	300.000.000
	300.000.000	300.000.000
	300.000.000	3.318.000.000

Khoản phải trả ngắn hạn khác cho các công ty liên quan không có đảm bảo và không tính lãi, có điều khoản thanh toán theo yêu cầu.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2024	Biến động trong kỳ		Chênh lệch tỷ giá VND	30/6/2024
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND		Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn (*)	394.473.346.788	518.751.408.660	(496.005.518.055)	(16.117.430)	417.203.119.963
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 23(b))	61.231.093.893	23.170.785.620	(39.071.438.397)	1.954.666.442	47.285.107.558
	455.704.440.681	541.922.194.280	(535.076.956.452)	1.938.549.012	464.488.227.521

(*) Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm (%)	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	USD	3,5%	114.713.484.956	277.138.850.472
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	VND	3,1% - 4,6%	180.313.776.212	44.225.004.828
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai	USD	3,2%	15.305.143.363	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai	VND	2,8% - 3,5%	39.168.946.416	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm	VND	3,9% - 4,0%	67.701.769.016	62.516.412.215
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm	USD	-	-	2.030.389.911
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Mỹ Đình	USD	-	-	8.562.689.362
			417.203.119.963	394.473.346.788

Các khoản vay ngắn hạn không có tài sản đảm bảo.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Vay dài hạn**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm (%)	Năm đáo hạn	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Ngân hàng Phát triển Châu Á (i)	USD	Thả nổi	2039	1.618.590.576.376	1.572.708.003.602
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm	USD	-	2024	-	11.477.033.700
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm	VND	-	2024	-	6.567.862.842
				1.618.590.576.376	1.590.752.900.144
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 23(a))				(47.285.107.558)	(61.231.093.893)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				1.571.305.468.818	1.529.521.806.251

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Khoản vay này được đảm bảo bằng:

- một số tài sản cố định của Tập đoàn Dệt May Việt Nam với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 61.963 triệu VND (1/1/2024: 71.007 triệu VND) (Thuyết minh 15);
- một số tài sản cố định của các công ty con của Tập đoàn bao gồm Công ty TNHH MTV Dệt 8-3, Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Xuân, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ, Công ty Cổ phần Dệt May Huế, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định và Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú; và
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm với giá trị là 110.000 triệu VND (1/1/2024: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn với giá trị 110.000 triệu VND) (Thuyết minh 9(a)).

Khoản vay này bằng USD, có hạn mức là 105 triệu USD và chịu lãi suất năm thả nổi được điều chỉnh 6 tháng một lần theo công thức: Sofr 6 tháng (từ 1 tháng 6 năm 2022) bằng đồng USD cộng biên độ lãi suất 0,6% trừ (-) một khoản giảm trừ là 0,1% cộng (+) phí bảo hiểm kỳ hạn 0,2%.

Khoản vay được hoàn trả từ ngày 1 tháng 6 năm 2020 đến ngày 1 tháng 12 năm 2039, trong 40 kỳ nửa năm, số tiền trả mỗi kỳ được xác định bằng cách nhân tổng số nợ gốc đã rút với phần trả mỗi lần (%) được quy định trong hợp đồng vay.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ phải thực hiện đầy đủ các điều khoản của Hiệp định vay với Ngân hàng Phát triển Châu Á và Hiệp định vay phụ với Bộ Tài chính.

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	34.310.961.645	35.435.330.188
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 25)	19.400.000.000	9.500.000.000
Sử dụng trong kỳ	(7.324.559.135)	(3.653.210.851)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	46.386.402.510	41.282.119.337

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2023	5.000.000.000.000	30.361.932.352	321.229.084.092	543.092.845.095	5.894.683.861.539
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	21.917.772.206	-	21.917.772.206
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 24)	-	-	(9.500.000.000)	-	(9.500.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 27)	-	-	(300.000.000.000)	-	(300.000.000.000)
Số dư tại ngày 30/6/2023	5.000.000.000.000	30.361.932.352	33.646.856.298	543.092.845.095	5.607.101.633.745
Số dư tại ngày 1/1/2024	5.000.000.000.000	30.361.932.352	195.151.884.031	543.092.845.095	5.768.606.661.478
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	11.369.751.662	-	11.369.751.662
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 24)	-	-	(19.400.000.000)	-	(19.400.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 27)	-	-	(150.000.000.000)	-	(150.000.000.000)
Số dư tại ngày 30/6/2024	5.000.000.000.000	30.361.932.352	37.121.635.693	543.092.845.095	5.610.576.413.140

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***26. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tập đoàn Dệt May Việt Nam như sau:

	30/6/2024 và 1/1/2024	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	500.000.000	5.000.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Vốn cổ phần đã phát hành cho các cổ đông như sau:

	Đã phát hành và đang lưu hành		
	Số cổ phiếu	VND	%
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước – Công ty TNHH ITOCHU Corporation	267.438.100	2.674.381.000.000	53,49%
Các cổ đông khác	167.561.900	1.675.619.000.000	33,51%
	500.000.000	5.000.000.000.000	100%

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 13 tháng 5 năm 2024, Đại hội đồng Cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng tiền trị giá 150.000 triệu VND từ lợi nhuận sau thuế năm 2023, tương ứng với tỷ lệ 3% trên mệnh giá (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023: cổ tức bằng tiền trị giá 300.000 triệu VND từ lợi nhuận sau thuế năm 2022, tương ứng với tỷ lệ 6% trên mệnh giá).

28. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được Ngân sách Nhà nước giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam để giải ngân cho các dự án đầu tư bao gồm:

	Tại ngày 30/6/2024 và ngày 1/1/2024 VND
Dự án Nhà máy Kéo sợi	104.848.000.000
Dự án Nhà máy Sợi Phú Cường	85.600.000.000
Dự án Nhà máy Kéo sợi mới hai vạn cọc sợi	85.000.000.000
Dự án Nhà máy Sợi Nam Định	80.900.000.000
Dự án Nhà máy Sợi Phú Hưng	69.164.195.144
Dự án Đầu tư Phát triển Dệt nhuộm tại Miền Trung	54.496.650.079
Dự án Nhà máy May Dệt kim	32.083.999.872
Dự án Di dời và Đầu tư Nâng cấp Xí nghiệp Sợi và Xí nghiệp Dệt	31.000.000.000
	<hr/>
	543.092.845.095

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có trách nhiệm quản lý và sử dụng số vốn được giao theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn về cơ chế thanh toán vốn đầu tư thuộc nguồn vốn Ngân sách Nhà nước.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã hoàn thành và quyết toán Dự án Nhà máy Sợi Phú Hưng, Dự án Nhà máy Sợi Nam Định – Giai đoạn 1, Dự án Nhà máy Sợi Phú Cường – Giai đoạn 1, Dự án Nhà máy Kéo sợi và Dự án Nhà máy May Dệt kim, Dự án Di dời và Đầu tư Nâng cấp Xí nghiệp Sợi và Xí nghiệp Dệt, Dự án Đầu tư Nhà máy Kéo sợi mới hai vạn cọc sợi và Dự án Đầu tư Phát triển Dệt nhuộm tại Miền Trung. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng này, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đang trong quá trình làm việc với các bên hữu quan để xác định thời điểm và giá trị phần nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được chuyển đổi thành vốn cổ phần thuộc sở hữu của Nhà nước tại Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định

Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định được Ngân sách Nhà nước cấp cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam để đầu tư xây dựng Nhà truyền thống ngành Dệt May Việt Nam. Biến động của nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Số dư đầu kỳ	20.172.889.902	22.214.516.922
Hao mòn của Nhà truyền thống ngành Dệt May Việt Nam	(547.629.417)	(1.020.813.510)
Số dư cuối kỳ	19.625.260.485	21.193.703.412

30. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Trong vòng 1 năm	21.339.474.240	21.339.474.240
Trong vòng 2 đến 5 năm	38.238.920.380	47.430.403.486
Sau 5 năm	49.971.297.600	51.399.048.960
	109.549.692.220	120.168.926.686

(b) Ngoại tệ các loại

	30/6/2024		1/1/2024	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	808.855	20.413.366.308	551.578	13.299.858.625
EUR	99.733	2.655.851.808	99.605	2.626.609.339
		23.069.218.116		15.926.467.964

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	98.551.801.005	106.966.664.136

31. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ gia công	621.936.268.969	556.999.319.637
Cung cấp các dịch vụ	46.622.687.406	43.117.698.332
	668.558.956.375	600.117.017.969

32. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Thành phẩm, hàng hoá đã bán và dịch vụ gia công	628.162.992.927	598.404.573.285
▪ Cho thuê và các dịch vụ khác	22.769.515.834	23.665.698.630
▪ Hàng tồn kho bị tổn thất do hỏa hoạn	-	6.145.113.303
▪ Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(18.364.369.879)	(19.832.759.312)
	632.568.138.882	608.382.625.906

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi	22.196.632.109	28.161.953.446
Lãi cho vay	52.683.895.902	49.997.907.666
Cổ tức	184.531.767.600	123.795.722.231
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.981.018.989	3.226.792.472
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	731.468.630
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.031.401.833	1.662.781.230
	264.424.716.433	207.576.625.675

34. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay	60.876.842.573	59.951.625.528
Trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	139.500.951.216	75.056.050.224
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.605.408.407	1.405.515.720
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	15.702.575.897	-
	218.685.778.093	136.413.191.472

35. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên	5.542.472.962	5.775.583.040
Chi phí khấu hao và phân bổ	3.694.908.665	4.954.007.179
Cước vận chuyển quốc tế	2.297.391.682	2.994.364.927
Chi phí dịch vụ mua ngoài	960.830.954	1.992.113.112
Các chi phí bán hàng khác	6.050.637.462	5.176.167.009
	18.546.241.725	20.892.235.267

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

36. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên	21.755.834.238	17.971.699.519
Chi phí khấu hao và phân bổ	3.010.468.548	2.432.892.887
Chi phí thuê đất và nhà cửa	10.747.534.125	9.571.588.257
Chi phí thuế, phí và lệ phí	61.136.621	133.752.815
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	16.170.731.601	1.712.101.179
	51.745.705.133	31.822.034.657

37. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	218.306.968.195	283.192.011.042
Chi phí nhân viên	54.420.114.075	46.869.561.576
Chi phí khấu hao và phân bổ	50.708.219.101	53.032.576.353
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.425.889.592	39.940.682.956
Chi phí khác	27.965.971.899	2.147.466.796
	588.427.162.862	625.582.538.723

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

38. Thuế thu nhập

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	11.369.751.662	21.917.772.206
Thuế tính theo thuế suất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam	2.273.950.332	4.383.554.441
Giá trị thuế của chi phí không được khấu trừ thuế	478.959.000	731.512.948
Giá trị thuế của thu nhập không bị tính thuế	(36.906.353.520)	(24.759.144.446)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận cho lỗ năm hiện hành	46.206.589.725	17.513.681.444
Biến động chênh lệch tạm thời chưa được ghi nhận	(12.053.145.537)	2.130.395.613
	-	-

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	30/6/2024		1/1/2024	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND
Các chênh lệch tạm thời	(57.775.448.200)	(11.555.089.640)	2.490.279.485	498.055.897
Lỗi tính thuế	615.207.466.630	123.041.493.326	384.174.518.005	76.834.903.601
	557.432.018.430	111.486.403.686	386.664.797.490	77.332.959.498

Lỗi tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗi được khấu trừ VND
2025	Đã quyết toán	6.579.335.154
2027	Chưa quyết toán	138.992.237.540
2028	Chưa quyết toán	238.602.945.311
2029	Chưa quyết toán	231.032.948.625
		615.207.466.630

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

(c) Thuế suất áp dụng

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

39. Chi tiết doanh thu và lợi nhuận của các đơn vị phụ thuộc

STT	Đơn vị	Tổng doanh thu		Chi tiết doanh thu		Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND
		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ VND	Doanh thu hoạt động tài chính VND	
1	Văn phòng Công ty mẹ	556.484.275.661	296.007.915.452	260.476.360.209	-	24.185.130.746
2	Các đơn vị phụ thuộc					
	Nhà máy Sợi Vinatex Phú Cường	177.918.519.121	177.253.113.232	665.405.889	-	(4.882.773.635)
	Nhà máy Sợi Vinatex Nam Định	184.068.947.433	180.860.258.281	3.208.689.152	-	(9.047.869.057)
	Trung tâm Thời trang Vinatex	14.514.794.750	14.437.669.410	74.066.378	3.058.962	1.116.948.803
	Nhà máy May Quế Sơn	194.805	-	194.805	-	(1.685.195)
3	Tổng cộng	932.986.731.770	668.558.956.375	264.424.716.433	3.058.962	11.369.751.662



Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

40. Các giao dịch chủ yếu với bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ Tập đoàn Dệt May Việt Nam có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Nhà đầu tư		
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước – Công ty TNHH		
Cổ tức đã chia	80.231.430.000	160.462.860.000
Công ty con		
Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3		
Doanh thu bán hàng hóa	109.770.811.191	77.292.686.645
Lãi và phí của khoản cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á (“ADB”)	2.735.663.274	2.474.414.574
Thu hồi gốc vay nguồn vốn vay ADB	1.035.803.899	867.930.880
Thu nhập lãi vay, lãi trả chậm	1.010.360.737	1.504.022.838
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ		
Doanh thu cho thuê	7.566.974.093	7.714.379.713
Doanh thu cung cấp dịch vụ	399.429.776	568.972.607
Mua hàng hóa	-	2.004.546
Lãi và phí của khoản cho vay lại nguồn vốn vay ADB	7.701.553.833	6.966.074.591
Thu hồi gốc vay nguồn vốn vay ADB	2.916.038.658	2.443.954.745
Cổ tức	44.548.410.000	74.247.352.000
Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú		
Doanh thu bán hàng hóa	616.450.238	492.083.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	80.000.000	-
Lãi và phí của khoản cho vay lại nguồn vốn vay ADB	19.587.599.781	17.199.827.300
Thu hồi gốc vay nguồn vốn vay ADB	7.248.937.947	6.075.391.646
Cổ tức	41.149.675.600	39.279.235.800
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội		
Doanh thu bán hàng hóa	72.272.079.293	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	25.000.000	-
Cho vay	-	10.000.000.000
Thu nhập lãi cho vay	-	252.054.795
Lãi và phí của khoản cho vay lại nguồn vốn vay ADB	7.821.806.602	7.074.843.269
Thu hồi gốc vay nguồn vốn vay ADB	-	2.482.114.757

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Công ty Cổ phần Dệt May Huế		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	154.774.057	78.669.643
Lãi và phí của khoản cho vay lại nguồn vốn vay ADB	2.926.240.201	2.646.791.108
Thu hồi gốc vay	11.600.000.000	11.600.000.000
Thu hồi gốc vay nguồn vốn vay ADB	1.108.484.143	928.591.685
Thu nhập tiền lãi từ cho vay	1.075.780.823	-
Cổ tức	12.230.122.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định		
Doanh thu bán hàng hóa	9.028.526.789	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	45.000.000	-
Mua hàng hóa, dịch vụ	9.122.709.789	107.100.000
Thu nhập lãi cho vay	2.268.745.780	2.256.280.143
Lãi và phí của khoản cho vay lại nguồn vốn vay ADB	4.844.409.904	4.381.780.352
Thu hồi gốc vay nguồn vốn vay ADB	1.834.238.348	1.543.822.807
Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân		
Doanh thu bán hàng hóa	24.320.979.709	19.446.173.818
Mua hàng hóa	4.878.051.925	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	208.644.252	179.311.326
Lãi và phí của khoản cho vay lại nguồn vốn vay ADB	2.167.256.363	1.960.287.865
Thu hồi gốc vay nguồn vốn vay ADB	821.103.311	687.740.958
Thu hồi gốc vay	5.700.000.000	-
Thu nhập lãi vay, lãi trả chậm	1.014.690.461	1.536.770.514
Thuê mặt bằng	1.090.909.091	-
Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài		
Cổ tức	-	5.115.313.000
Mua cổ phần	-	48.999.300.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	150.000.000	-
Mua hàng hóa	11.115.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Phương		
Doanh thu cho thuê	4.265.884.656	-
Thu nhập tiền lãi từ cho vay	540.148.880	-
Điều chuyển tài sản	7.501.375.304	-
Nhận điều chuyển tài sản	1.562.973.085	-
Cho vay	19.798.057.659	-
Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex		
Trả hộ lãi vay dự án May Tuyên Quang	482.455.057	1.519.131.556

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex		
Thu hồi khoản trả hộ	10.163.002.128	10.000.000.000
Bán hàng hóa	1.800.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nội		
Cổ tức	8.160.000.000	-
Doanh thu cho thuê	4.494.653.000	4.065.217.500
Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	22.023.810	-
Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng		
Doanh thu cho thuê	12.675.877.022	12.741.704.331
Thu nhập lãi trả chậm	-	77.556.889
Công ty Cổ phần Thời trang Hanosimex		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	398.748.639	452.431.454
Mua hàng hóa	33.583.258	98.000.008
Công ty liên kết		
Tổng Công ty May 10 – CTCP		
Cổ tức	5.113.699.000	-
Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	398.938.211	434.567.513
Mua hàng hoá	4.526.658.504	2.675.030.834
Công ty Cổ phần May Hữu Nghị		
Cổ tức	3.476.696.000	-
Doanh thu bán hàng hóa	4.047.619	-
Công ty Cổ phần May Bình Minh		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	259.317.431	268.493.347
Cổ tức	1.984.500.000	-
Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	980.623.562	1.057.677.560
Cổ tức	10.080.000.000	2.520.000.000
Công ty Cổ phần May Nam Định		
Cổ tức	900.000.000	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	178.974.548	133.059.509

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến		
Cổ tức	33.514.800.000	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.809.645.421	1.916.861.205
Mua hàng hóa, dịch vụ	-	462.000.000
Tổng Công ty Đức Giang – CTCP		
Cổ tức	4.753.833.000	-
Mua hàng hoá	4.486.203.502	2.213.961.665
Thu nhập khác	-	13.072.950
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	51.800.000	-
Tổng Công ty May Hưng Yên - CTCP		
Cổ tức	3.415.281.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinatex		
Doanh thu cho thuê	666.072.000	588.111.000
Công ty Cổ phần Dệt lụa Nam Định		
Cổ tức	1.066.406.000	1.066.406.000
Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	25.809.524	329.479.374
Công ty Cổ phần May Đáp cầu		
Cổ tức	2.461.095.000	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	25.000.000	-
Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP		
Cổ tức	9.855.000.000	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	25.000.000	-
Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng		
Cổ tức	1.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Dệt Gia dụng Phong Phú		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	54.776.501	-
Công ty Cổ phần Dệt May Liên Phương		
Doanh thu bán hàng	714.286	-
Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May		
Cho vay	-	6.500.000.000
Thu hồi gốc cho vay	-	400.000.000
Thu nhập tiền lãi từ cho vay	-	722.622.466

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Giá trị giao dịch
Kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30/6/2024 30/6/2023
VND VND

*Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác
 của người quản lý chủ chốt*

Thành viên Hội đồng quản trị

Ông Lê Tiến Trường – Chủ tịch	524.240.000	520.240.000
Ông Trần Quang Nghị – Phó Chủ tịch	82.080.000	86.080.000
Ông Cao Hữu Hiếu – Thành viên	502.640.000	475.240.000
Ông Đặng Vũ Hùng – Thành viên	54.000.000	58.000.000
Ông Vũ Hồng Tuấn – Thành viên	54.000.000	54.000.000
Ông Nguyễn Xuân Đông – Thành viên	54.000.000	54.000.000

Cơ quan Tổng Giám đốc

Những người quản lý khác	1.927.520.000	1.891.525.553
--------------------------	---------------	---------------

41. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên bảng cân đối kế toán riêng và các thuyết minh liên quan tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 được mang sang từ số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh liên quan được mang sang từ số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

Người lập:


 Nguyễn Thị Nga
 Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:


 Nguyễn Ngọc Cách
 Kế toán trưởng




 Cao Hữu Hiếu
 Tổng Giám đốc

Số: 483 /TĐDMVN-TCKT
V/v: Giải trình một số vấn đề trong
BCTC soát xét bán niên năm 2024

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2024

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Tập đoàn Dệt May Việt Nam (mã CK: VGT) giải trình một số vấn đề trong Báo cáo tài chính (BCTC) bán niên năm 2024 đã được soát xét bởi Công ty TNHH KPMG (KPMG) như sau:

1. Về ý kiến kiểm toán ngoại trừ trong BCTC soát xét hợp nhất bán niên năm 2024:

1.1. Ý kiến ngoại trừ về phần lãi trong công ty liên kết

Công ty TNHH Coats Phong Phú (Coats Phong Phú) là công ty liên kết của Tổng công ty Cổ phần Phong Phú (công ty con của Tập đoàn Dệt May Việt Nam), trong đó Tổng công ty CP Phong Phú (Phong Phú) sở hữu 35% vốn điều lệ của Coats Phong Phú. Do đó, khi hợp nhất BCTC, Tập đoàn ghi nhận khoản đầu tư vào Coats Phong Phú theo phương pháp vốn chủ sở hữu, với giá trị ghi sổ là 1.215 tỷ VND trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/6/2024 (1/1/2024: 1.228 tỷ VND). Phần sở hữu của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong LNST thu nhập doanh nghiệp cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2024 của Coats Phong Phú là 218 tỷ VND, đang được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ 6 tháng kết thúc cùng ngày.

Do mức độ ảnh hưởng trọng yếu của Coats Phong Phú đến BCTC soát xét hợp nhất của Tập đoàn, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã đề nghị Phong Phú và Coats Phong Phú cho phép KPMG tiếp cận các tài liệu liên quan đến công tác soát xét BCTC bán niên năm 2024 của Coats Phong Phú. Về việc này, Coats Phong Phú đã đồng ý cho KPMG được tiếp cận, trao đổi thông tin với đơn vị kiểm toán của Coats Phong Phú. Tuy nhiên, do Coats Phong Phú không thực hiện kiểm toán BCTC bán niên nên KPMG chỉ có thể được tiếp cận và trao đổi thông tin với đơn vị kiểm toán của Coats Phong Phú cho kỳ kiểm toán năm kết thúc ngày 31/12/2024.

Vì lý do nêu trên, đến ngày 29 tháng 08 năm 2024 là thời điểm phát hành BCTC soát xét hợp nhất bán niên năm 2024 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, KPMG vẫn chưa được tiếp cận và trao đổi thông tin với đơn vị kiểm toán của Coats Phong Phú. Do đó, KPMG đã đưa ra ý kiến ngoại trừ về các ảnh hưởng có thể có của Coats Phong Phú đến BCTC soát xét hợp nhất bán niên năm 2024 của Tập đoàn.



1.2. Ý kiến ngoại trừ về tiền thuê đất và tiền chậm nộp

Tổng Công ty CP Phong Phú là công ty con của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Khi lập báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024, Ban lãnh đạo của Phong Phú đã thực hiện điều chỉnh lại một số số liệu so sánh liên quan đến chi phí thuê đất phải nộp cho giai đoạn từ năm 2007 đến năm 2020 tại Khu đất số 2 Trường Chinh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền là 47.323 triệu VNĐ dựa trên cơ sở tính toán của Ban lãnh đạo theo hướng dẫn mới nhất tại văn bản số 6238/STNMT-QLĐ ngày 27/06/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh về việc xác định diện tích, mục đích sử dụng đất để làm cơ sở xác định tiền thuê đất tại khu đất số 2 Trường Chinh nêu trên và các quy định pháp luật liên quan.

Do các quy định về tiền thuê đất thay đổi theo từng thời kỳ và việc áp dụng các quy định có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau nên cho đến nay, Phong Phú vẫn đang trong quá trình làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để xác định chính xác số tiền thuê đất còn phải nộp đối với khu đất nói trên cho giai đoạn từ năm 2007 đến năm 2020 và các chi phí chậm nộp liên quan, nếu có.

Ngày 29 tháng 08 năm 2024, tại thời điểm phát hành Báo cáo tài chính soát xét bán niên năm 2024, KPMG đã đưa ra kết luận soát xét ngoại trừ do chưa thực hiện được các thủ tục soát xét cần thiết khi chưa có kết quả làm việc chính thức giữa Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú với các cơ quan hữu quan.

2. Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm trên BCTC soát xét bán niên năm 2024 so với cùng kỳ năm 2023 có sự chênh lệch trên 10%:

BCTC soát xét bán niên Công ty mẹ:

- LNST 6 tháng năm 2024 trên BCTC soát xét Công ty mẹ: 11.369.751.662 đồng

- LNST 6 tháng năm 2023 trên BCTC soát xét Công ty mẹ: 21.917.772.206 đồng

Chênh lệch giảm: 10.548.020.544 đồng, tương đương tỷ lệ giảm 48,13% so với cùng kỳ năm trước.

BCTC soát xét bán niên Hợp nhất:

- LNST 6 tháng năm 2024 trên BCTC soát xét Hợp nhất: 176.283.619.445 đồng.

- LNST 6 tháng năm 2023 trên BCTC soát xét Hợp nhất: 117.361.496.026 đồng.

Chênh lệch tăng: 58.922.123.419 đồng, tương đương tỷ lệ tăng 50,21% so với cùng kỳ năm trước.

Nguyên nhân chính:

- Về kết quả Hợp nhất:

Lợi nhuận hợp nhất toàn Tập đoàn tăng so với cùng kỳ. Sáu tháng đầu năm 2024, ngành Dệt may đã có dấu hiệu phục hồi. Hiệu quả ngành may tương đối tốt do lượng đơn hàng nhiều, các doanh nghiệp bố trí sản xuất tốt, mặc dù đơn giá còn thấp, đơn hàng nhỏ lẻ, thời gian giao hàng gấp và yêu cầu ngày càng khắt khe của khách hàng. Ngành sợi giảm lỗ mạnh so với cùng kỳ, tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn khi cầu thấp, giá bông biến động khó lường, Tập đoàn đã chỉ đạo, phối hợp với các đơn vị thành viên làm

tốt công tác cập nhật, dự báo tình hình thị trường bông, sợi, từ đó đưa ra những quyết sách phù hợp, hiệu quả.

- Về kết quả Công ty mẹ:

Kết quả công ty mẹ 6 tháng đầu năm 2024 giảm so với cùng kỳ. Công ty mẹ vẫn tiếp tục phải trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư đối với một số đơn vị thành viên ngành sợi. Bên cạnh đó, tỷ giá tăng cao trong sáu tháng đầu năm, Công ty mẹ phát sinh lỗ tỷ giá lớn khi đánh giá lại tỷ giá các khoản gốc vay ngoại tệ (sáu tháng đầu năm ghi nhận 16 tỷ đồng lỗ tỷ giá trong khi cùng kỳ lãi 0,7 tỷ đồng).

3. Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm trên BCTC hợp nhất Quý 2/2024 đã công bố chênh lệch trên 5% so với BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2024:

- LNST lũy kế trên BCTC hợp nhất Quý 2/2024: 203.507.544.537 đồng.

- LNST trên BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2024: 176.283.619.445 đồng.

Chênh lệch giảm 27.223.925.092 đồng, tương đương tỷ lệ giảm 13,38% so với số đã công bố.

Nguyên nhân chính:

Tập đoàn Dệt May Việt Nam hiện có 34 công ty con, 31 công ty liên kết và rất nhiều các khoản đầu tư tài chính khác. BCTC soát xét bán niên hợp nhất năm 2024 của Tập đoàn được lập trên cơ sở BCTC của các công ty con, công ty liên kết. Khi soát xét BCTC hợp nhất bán niên 2024 của Tập đoàn, đơn vị kiểm toán đã điều chỉnh số liệu theo BCTC sau soát xét của các công ty con, công ty liên kết. Sự chênh lệch kết quả kinh doanh giữa BCTC trước và sau khi soát xét của số lượng lớn các công ty con, công ty liên kết đã làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh hợp nhất sau kiểm toán của Tập đoàn.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam cam kết nội dung trong bản giải trình trên đây là trung thực và chính xác.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, TCKT.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Cao Hữu Hiếu